

Số: .06./2026/CV-HP

Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 2026

(V/v: Công khai thông tin về năng lực hoạt
động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát;
- ĐKKD số 0102668815 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/3/2008, thay đổi lần 5 ngày 09/5/2025.
- Địa chỉ: Nhà M3-2 Khu B Tập thể trường đại học Mỏ địa chất, phường Đông Ngạc, Tp. Hà Nội
- VPGD: Số 119 Nguyễn Xiển, phường Khương Đình, Tp. Hà Nội.
- Email: Pkt.hopphat@gmail.com
Lasxd24.136@gmail.com
- Website: hopphat.info
- Điện thoại: 0243 55 76 924
- Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm kiểm định xây dựng
- Địa chỉ PTN: Số 119 Nguyễn Xiển, phường Khương Đình, Tp. Hà Nội
- Trạm thí nghiệm hiện trường đặt tại xã Hạ Long, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin về năng lực Trạm thí nghiệm hiện trường của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Dự án: Sonasea Vân Đồn Harbor City; Khu đô thị du lịch và bến cảng cao cấp Ao Tiên; Khu dân cư Monbay Vân Đồn, ...
- Danh sách thí nghiệm viên thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm: danh sách kèm theo.
- Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn áp dụng: danh sách kèm theo.
- Danh mục thiết bị thí nghiệm chính: danh sách kèm theo.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của nội dung công bố. Thiết bị thí nghiệm đáp ứng yêu cầu để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố. Thí nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp và được bố trí thực hiện đúng các chỉ tiêu đã được công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu văn thư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI HỢP PHÁT**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Quang Liệp

Danh sách nhân sự Trạm thí nghiệm hiện trường

(Kèm theo Công văn số: ...06.../2026/CV-HP ngày 2. tháng 4 năm 2026)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Bằng cấp chuyên môn	Chức vụ	Hợp đồng LĐ
1	Nguyễn Thành Nam	18/10/1976	Kỹ sư XD	Trưởng trạm TN	Số 35/20218/HĐLĐ ngày 02/5/2018
2	Hồ Văn Nguyên	05/12/1992	TNV	Thí nghiệm viên	Số 01/2019 ngày 02/01/2019

010
CÔ
CÔ
DỰNG
HỢ
TƯ

Danh mục phép thử tại Trạm thí nghiệm hiện trường

(Kèm theo Công văn số: .../2026/CV-HP ngày 9 tháng 4 năm 2026)

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Xác định khối lượng riêng, độ mịn	TCVN 13605:2023
2	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn; thời gian đông kết; độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
3	Xác định cường độ xi măng	TCVN 6016:2011 ASTM C109/C109M
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
13	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022 ASTM C1585
15	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022 ASTM C39 AASHTO T22 BS EN 12390-3
28	Vật liệu Bentonite: Xác định khối lượng riêng; độ ổn định, độ nhớt phễu Marsh; độ pH, hàm lượng cát; xác định lượng tách nước; xác định tỷ lệ keo	TCVN 11893:2017
IV	VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẼM (SỎI), CẤP PHỐI	
34	Xác định thành phần hạt, Mô đun độ lớn	TCVN 7572-2 TCVN 14135-5:2024
35	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
36	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút ẩm của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-10:2006 TCVN 10324:2014
37	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6: 2006
38	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7: 2006
39	Xác định hàm lượng bụi, bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 TCVN 344:1986
40	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
41	Cường độ (kháng nén, kháng kéo) và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 TCVN 10324:2014

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
42	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
43	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn va đập Los Angeles	TCVN 7572-12:2006 AASHTO T96
44	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:2006
48	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN7572-17:2006
49	Xác định lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
53	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 75 μm	TCVN 9205:2012 TCVN 11969:2018 TCVN 14135-4:2024
54	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012
55	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419 AASHTO T176
V	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG	
62	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
63	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
64	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 TCVN 14134-4:2024
65	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
68	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 TCVN 12790:2020 22TCN 333:2006
69	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012 TCVN 8729:2012
70	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)	TCVN 12792:2020 TCN 332:2006
VI	VẬT LIỆU KIM LOẠI	
81	Thử kéo	TCVN 197:2014
82	Thử uốn	TCVN 198:2008

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
83	Mối hàn kim loại: Thử kéo, thử uốn	TCVN 5401:2010 TCVN 5403:1991 TCVN 8310:2010 TCVN 8311:201
84	Thử nghiệm bulông, đai ốc, vít: Xác định khuyết tật ngoại quan, kích thước hình học, thử kéo	TCVN 4795:1989 TCVN 4796:1989 TCVN 1916:95
85	Thử kéo thép cốt bê tông – mối nối bằng ống ren	TCVN 13711-2:2023 TCVN 8163:2009 TCVN 197-1:14
IX	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
113	Xác định độ chặt của đất bằng phương pháp dao dai	TCVN 8305:2009 TCVN 12791:2020
114	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	AASHTO T191
116	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011 ASTM D4767
117	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11
118	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
119	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
121	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:2012 TCVN 4756:1989 BS 1377-9 BS 7430 ASTM G187-18
129	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12
136	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCXDVN 239:2006 TCVN 12252:2020
X	VỮA XÂY DỰNG	
140	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022
141	Vữa chèn cấp dự ứng lực: cường độ nén	TCVN 11971:2018 BS EN 447

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
142	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co: cường độ chịu nén	TCVN 9204:2012
XI	GẠCH XÂY	
143	Xác định kích thước và khuyết tật	TCVN 6355-1:2009
144	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
145	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
146	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
147	Xác định khối lượng thể tích của gạch xây	TCVN 6355-5:2009
148	Xác định độ rỗng của gạch xây	TCVN 6355-6:2009
151	Gạch bê tông: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ rỗng, cường độ chịu nén, độ thấm nước, độ hút nước	TCVN 6477:2016
XII	GẠCH ỐP LÁT	
152	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
153	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016
154	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016
156	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016
157	Đá ốp lát tự nhiên: Xác định sai lệch kích thước, khuyết tật ngoại quan độ bền uốn	TCVN 4732: 2016
158	Đá ốp lát nhân tạo: Xác định sai lệch kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 8057:2009
159	Gạch bê tông tự chèn: Xác định Kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén	TCVN 6476:1999

Danh mục thiết bị chính Trạm thí nghiệm hiện trường

(Kèm theo Công văn số:06../2026/CV-HP ngày 9 tháng 4 năm 2026)

STT	TÊN THIẾT BỊ THÔNG SỐ KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NĂM SẢN XUẤT	TÌNH TRẠNG HIỆU CHUẨN	GHI CHÚ
I	THÍ NGHIỆM XI MĂNG				
1	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	TQ	2018		
2	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	TQ	2018		
3	Bộ dụng cụ Vicát Dùng xác định độ dẻo và thời gian đông kết của xi măng bằng cách xuyên mũi kim vào mẫu xi măng. Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính.	TQ	2018		
4	Khuôn Le Chatelier	VN	2018		
5	Bộ tỷ diện xi măng - XIYI Model: DBT-127 Thiết bị bao gồm: một buồng đo bằng thép không rỉ, một đĩa đục lỗ và một nắp buồng đo. Một ống đo bằng thủy tinh hình chữ U được gắn trên để kim loại. Quả bóp cao su và một gói giấy lọc chuyên dụng. (Chưa bao gồm xi măng chuẩn)	TQ	2018		
6	Bình tỷ trọng xi măng Dùng để đo tỷ trọng xi măng Thể tích 250 ml Vạch chia từ 0 - 1 ml và từ 18 - 24 trên cổ bình Độ chính xác 0,5 ml	TQ	2018		
7	Sàng 0.045 mm	VN	2018		
8	Khuôn 40x40x160 kép 3	VN	2018		
II	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG, VỮA, GẠCH				
1	Máy nén bê tông 2000KN Model: TYE-2000 - Dải nén: 0 - 2000KN. - Sai số: Đạt TCVN, ASTM. - Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam, - Hoạt động bằng động cơ điện, điện áp: 220V/50Hz. - Mẫu nén: D150xH300; 200x200x200. - Kèm 03 thớt đệm: D150xH100, D150xH50 (2ch) - Trọng lượng khoảng: 600kg	TQ	2016	Còn hiệu chuẩn	
2	Khuôn bê tông vuông 150x150x150 mm, bằng nhựa	VN	2022		

STT	TÊN THIẾT BỊ THÔNG SỐ KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NĂM SẢN XUẤT	TÌNH TRẠNG HIỆU CHUẨN	GHI CHÚ
3	Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng INOX Côn chuẩn D100 x D200 x H300 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, tấm đế thép 500x500x2,5mm hoặc khay tôn, thanh đũa, ca xúc mẫu tròn, thước là 500mm	VN	2022		
4	Máy xác định độ thấm bê tông Model: HS- 4 (HS-40). Áp lực làm việc 3.93MPa, nguồn 220V, 120W; kiểm tra 6 mẫu đồng thời, mẫu cao 150mm	TQ	2016		
5	Bộ gá uốn mẫu gạch tiêu chuẩn Đường kính gối uốn: 10mm Khoảng cách 2 gối uốn dưới: 180mm	VN	2016		
III	VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎI), CẤP PHỐI				
1	Thùng dung trọng 1 lít (Hộc đóng)	VN	2016		
2	Thùng dung trọng 2 lít (Hộc đóng)	VN	2016		
3	Thùng dung trọng 5 lít (Hộc đóng)	VN	2016		
4	Thùng dung trọng 10 lít (Hộc đóng)	VN	2016		
5	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D75, có đáy rời	VN	2016		
6	Bộ thí nghiệm độ xốp của cát	VN	2016		
7	Bộ thí nghiệm độ xốp của đá	VN	2016		
8	Thiết bị xác định hàm lượng bùn bụi sét của đá (Bình rửa đá)	VN	2016		
9	Thiết bị xác định hàm lượng bùn bụi sét của cát (Bình rửa cát)	VN	2016		
IV	SÀNG VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM, ĐẤT, CẤP PHỐI				
1	Sàng D200mm, 50mm	TQ	2018		
2	Sàng D200mm, 40mm	TQ	2018		
3	Sàng D200mm, 37.5mm	TQ	2018		
4	Sàng D200mm, 25mm	TQ	2018		
5	Sàng D200mm, 20mm	TQ	2018		
6	Sàng D200mm, 19mm	TQ	2018		
7	Sàng D200mm, 12.5mm	TQ	2018		
8	Sàng D200mm, 10mm	TQ	2018		
9	Sàng D200mm, 9.5mm	TQ	2018		
10	Sàng D200mm, 5mm	TQ	2018		
11	Sàng D200mm, 4.75mm	TQ	2018		
12	Sàng D200mm, 2.5mm	TQ	2018		
13	Sàng D200mm, 2.36mm	TQ	2018		
14	Sàng D200mm, 2mm	TQ	2018		
15	Sàng D200mm, 1.25mm	TQ	2018		
16	Sàng D200mm, 1mm	TQ	2018		
17	Sàng D200mm, 0.63mm	TQ	2018		

STT	TÊN THIẾT BỊ THÔNG SỐ KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NĂM SẢN XUẤT	TÌNH TRẠNG HIỆU CHUẨN	GHI CHÚ
18	Sàng D200mm, 0.425mm	TQ	2018		
19	Sàng D200mm, 0.315mm	TQ	2018		
20	Sàng D200mm, 0.075mm	TQ	2018		
21	Đáy + nắp sàng D200	TQ	2018		
22	Bộ cối đầm Proctor	TQ	2018		
V	THÍ NGHIỆM THÉP				
1	Máy kéo nén vạn năng 100 tấn (1000KN)- Hãng sản xuất - Jingyuan (Trung Quốc)- Model: WES-1000G- Ngàm kẹp thủy lực- Dải đo: 0-1000KN.- Điện tử hiện số- Sai số: Đạt TCVN - ASTM- Kéo mẫu thép dẹt có độ dày từ: 0 - 40mm- Kéo mẫu thép tròn từ: Ø14 - Ø45mm- Nén mẫu bê tông: D150xH300; 150x150x150mm.- Điện áp: 220VAC/1phase Bao gồm: Khung máy chính và phần điều khiển, 01 bộ thớt nén, 03 bộ má kẹp; 01 bộ giá đỡ gối uốn dưới; 01 gá uốn trên; 01 dao uốn tiêu chuẩn D50mm; Bộ gối uốn thép theo tiêu chuẩn bao gồm các cỡ gối: D30; D36; D40; 50; 56; 60; 64; 70; 80; 84; 96; 108; 120; 132; 150; 168; 192 + Gá trên	TQ	2018	Còn hiệu chuẩn	
VI	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				
1	Bộ dao vòng lấy mẫu đất. Bao gồm: Chày, Thanh dẫn, Gá dao vòng, 3 lưỡi dao, hộp đựng bằng gỗ.	VN	2018		
2	Phễu rót cát hiện trường Kèm: Bình cát chuẩn bằng nhựa, tấm dung trọng hiện trường, 3 gim, túi vải.	VN	2018		
XIII	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG, THỦY TINH				
1	Tủ sấy 300°C, dung tích 136lít; Model: 101-2A; đồng hồ hiển thị số	TQ	2018		
2	Cân điện tử 6kg x 0.1g - Hãng OHAUS Khả năng cân : 6kg ± 0.1g Cấp chính xác: II, OIML 3 màn hình LCD: số lượng, khối lượng tồn, khối lượng đơn vận mẫu Tính năng: Đếm, cân thông thường, trừ bì. Nguồn điện: 220V/6V/4h hoặc AC/DC adaptor	Mỹ	2018	Còn hiệu chuẩn	
3	Cân điện tử 15kg x 0.5g - Hãng OHAUS Khả năng cân : 15kg ± 0.5g Cấp chính xác: II, OIML 3 màn hình LCD: số lượng, khối lượng tồn, khối lượng đơn vận mẫu Tính năng: Đếm, cân thông thường, trừ bì. Nguồn điện: 220V/6V/4h hoặc AC/DC adaptor	Mỹ	2018	Còn hiệu chuẩn	

STT	TÊN THIẾT BỊ THÔNG SỐ KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NĂM SẢN XUẤT	TÌNH TRẠNG HIỆU CHUẨN	GHI CHÚ
4	Cân điện tử 15kg x 0.5g - Hãng OHAUSKhả năng cân : 15kg ± 0.5g Cấp chính xác: II, OIML3 màn hình LCD: số lượng, khối lượng tổng, khối lượng đơn vận mẫuTính năng: Đếm, cân thông thường, trừ bì.Nguồn điện: 220V/6V/4h hoặc AC/DC adaptor	Mỹ	2018	Còn hiệu chuẩn	
5	Cân điện tử 5000g Bước nhảy: 0,01g Cấp chính xác: II OIML Màn hình hiển thị: LCD đèn nền Đơn vị: Kg/g/lb/oz/ozt/đếm PCS Phím chức năng: ON/OFF, UNITS, TARE, PCS Nguồn cung cấp: AC adaptor 9V/0.5A	TQ	2018	Còn hiệu chuẩn	
6	Thước kẹp điện tử độ chính xác 0.01mm	TQ	2020		
7	Bình khối lượng riêng 1000ml	VN	2020		
8	Bình khối lượng riêng 2000ml	VN	2020		
9	Bình tam giác 1000ml	VN	2020		
10	Ống đong thủy tinh 50ml	VN	2020		
11	Ống đong thủy tinh 250ml	VN	2020		
12	Ống đong thủy tinh 1000ml	VN	2020		